

Số: 643/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 04 tháng 08 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án đầu tư nhà máy sản xuất nước khoáng đóng chai và khu tổ hợp
thương mại dịch vụ lưu trú khoáng nóng Nàng Lúa Duyên Hải**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025.

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty Cổ phần Khoáng nóng Nhân Bình tại Văn bản số 07/KNNB ngày 30 tháng 01 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 143/TTr-STNMT ngày 11 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư nhà máy sản xuất nước khoáng đóng chai và khu tổ hợp thương mại dịch vụ lưu trú khoáng nóng Nàng Lúa Duyên Hải (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Khoáng nóng Nhân Bình (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Diên Hà, tỉnh Hưng Yên với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, Điều 8 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm PVHCC (cơ sở 1) (trả kết quả);
- UBND xã Diên Hà;
- Công ty Cổ phần Khoáng nóng Nhân Bình;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (đăng công khai);
- Lưu: VT, KT2^{Thin}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hùng Nam

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án đầu tư nhà máy sản xuất nước khoáng đóng chai và khu tổ hợp
thương mại dịch vụ lưu trú khoáng nóng Nàng Lúa Duyên Hải
(Kèm theo Quyết định số **43** /QĐ-UBND ngày **04** tháng **03** năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án đầu tư nhà máy sản xuất nước khoáng đóng chai và khu tổ hợp thương mại dịch vụ lưu trú khoáng nóng Nàng Lúa Duyên Hải.
- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Diên Hà, tỉnh Hưng Yên.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Khoáng nóng Nhân Bình, địa chỉ tại Thửa đất số 455, thôn Khả Tân, xã Diên Hà, tỉnh Hưng Yên.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Mục tiêu Dự án: Khai thác, xử lý và cung cấp khoáng nóng phục vụ cho nhu cầu dự án của công ty (mã ngành 3600); Dịch vụ tắm nước khoáng nóng, chăm sóc sức khỏe, trị liệu (mã ngành 9610); Khách sạn tiêu chuẩn và khu nhà lưu trú (mã ngành 5510); Khu công viên khoáng nóng cung cấp các dịch vụ vui chơi giải trí (mã ngành 9329); Dịch vụ ăn uống (mã ngành 5610); Sản xuất nước khoáng tinh khiết với công suất 12.500 lít/h (mã ngành 1104); Bán đồ lưu niệm (mã ngành 4773); Kinh doanh tảo, nấm (mã ngành 4722).

- Quy mô, công suất Dự án:

+ Diện tích sử dụng đất 4,87 ha.

+ Công suất thiết kế và quy mô kinh doanh: Dây chuyền nước khoáng đóng chai tối đa 12.500 lít/h; dịch vụ tắm nước khoáng nóng và vui chơi giải trí; dịch vụ lưu trú (khách sạn tiêu chuẩn và nhà lưu trú); khu công viên khoáng nóng cung cấp các dịch vụ vui chơi giải trí; dịch vụ ăn uống, bán đồ lưu niệm, kinh doanh tảo, nấm...

1.3. Các hạng mục công trình của dự án

- Các hạng mục công trình chính:

+ Khu nhà máy sản xuất nước đóng chai: Nhà máy nước đóng chai, khu nhà văn phòng, quản lý (03 tầng); khu kỹ thuật, bãi đỗ xe.

+ Khu tổ hợp thương mại dịch vụ lưu trú khoáng nóng: (i) Khu khoáng nóng-công viên nước: Khu nhà chính đón tiếp, thay đồ tắm khoáng trong nhà (02 tầng), khu tắm khoáng ngoài trời, khu công viên nước; (ii) Khu nhà hàng, coffee: (02 tầng); (iii) Khách sạn tiêu chuẩn và khu nhà lưu trú: Khu nhà lưu trú 01 tầng và khách sạn tiêu chuẩn (03 tầng).

- Các hạng mục công trình phụ trợ: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật, cây xanh, sân, đường nội bộ.

- Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:
- + 01 trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 250 m³/ngày đêm.
- + 01 trạm xử lý nước thải khoáng công suất 175 m³/ngày đêm.
- + 01 kho chứa chất thải nguy hại diện tích 15 m².
- + Hệ thống thoát nước mưa, nước thải.
- + Hệ thống xử lý mùi từ trạm xử lý nước thải sinh hoạt.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, thi công, xây dựng các hạng mục công trình phát sinh bụi, khí thải, chất thải rắn xây dựng, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung.
- Hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt.

2.2. Giai đoạn hoạt động

- Hoạt động của các phương tiện giao thông phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn.
- Hoạt động của khách du lịch, nhân viên phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.
- Hoạt động ngâm tắm của khách du lịch tại khu thương mại, dịch vụ và công viên khoáng nóng phát sinh nước tắm khoáng thải.
- Hoạt động của nhà máy nước đóng chai phát sinh nước thải khoáng.
- Hoạt động của trạm xử lý nước thải sinh hoạt, trạm xử lý nước thải khoáng phát sinh khí thải, bùn thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn thi công xây dựng:
 - + Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 11,75 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, sunfua (tính theo H₂S), amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃ - tính theo N), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat (PO₃ - tính theo P), tổng coliforms.
 - + Nước thải xây dựng phát sinh từ hoạt động thi công các hạng mục công trình khoảng 3,0 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng chất rắn lơ lửng (TSS).
- Giai đoạn vận hành:
 - + Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 239,57 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan,

sunfua (tính theo H_2S), amoni (tính theo N), Nitrat (NO_3^- tính theo N), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat (PO_3^- tính theo P), tổng coliforms.

+ Nước thải khoáng từ hoạt động ngâm tắm phát sinh khoảng 161,028 m^3 /ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng chất rắn lơ lửng (TSS).

+ Nước thải rửa lọc phát sinh khoảng 13 m^3 /lần thải (định kỳ 4-6 tuần/lần); nước thải rửa bình phát sinh khoảng 10 m^3 /ngày; nước thải thau rửa giếng khoan phát sinh khoảng 125-150 m^3 /lần (định kỳ 2 năm/lần). Thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng chất rắn lơ lửng (TSS).

3.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc thiết bị thi công. Thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, CO, NO_x , SO_2 .

- Giai đoạn vận hành:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong phạm vi Dự án. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, SO_2 , NO_x , CO, VOCs.

+ Mùi phát sinh từ trạm xử lý nước thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Ammonia (NH_3), Hydrosulfide (H_2S), Methyl Mercaptan (CH_3SH).

3.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 47 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: túi nilon, vỏ chai lọ, giấy vụn, thức ăn dư thừa.

+ Đất hữu cơ từ quá trình bóc tách bề mặt đất lúa khoảng 9.097,12 m^3 , Chất thải rắn xây dựng khoảng 174,3 tấn.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 482 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: các loại thức ăn thừa, bao bì, chai lọ.

+ Bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải sinh hoạt (khoảng 50,625 kg/ngày đêm) và từ trạm xử lý nước thải khoáng (khoảng 33,412 kg/ngày đêm).

+ Chất thải rắn từ quá trình chặt cây, cành cây khoảng 50-100 kg/lần.

+ Chất thải rắn sản xuất phát sinh khoảng 60 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: màng nhựa, bao bì nhựa, bình nhựa gallon 20 lít, chai PET hỏng, nắp chai nhựa, bao nylon, giấy carton,.....

3.4. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 418 kg trong suốt quá trình thi công. Thành phần chủ yếu: Giẻ lau dính dầu, dầu mỡ thải, pin ắc quy thải, vỏ thùng sơn, cặn sơn.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 11,5 kg/tháng. Thành phần chủ yếu: Pin, ắc quy thải, dầu mỡ thải.

+ Chất thải công nghiệp phải kiểm soát khoảng 13 kg/tháng. Thành phần chủ yếu: Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải và bao bì đựng hoá chất xử lý nước, hóa chất tẩy rửa.

3.5. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công xây dựng: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, từ máy móc, thiết bị thi công, xây dựng.

- Giai đoạn vận hành: Dự án không phát sinh tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn vận hành.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Lắp đặt 12 nhà vệ sinh di động (dung tích bể chứa chất thải 1,0 m³). Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Nước thải thi công: Lắp đặt cặn bẩn tại các hố thu nước thải, tái sử dụng cho hoạt động thi công xây dựng, không xả ra ngoài môi trường.

+ Nước mưa chảy tràn theo hệ thống thoát mưa của Dự án thoát ra kênh Tà Sa.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại/bể tách dầu mỡ, được thu gom và xử lý tại trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 250 m³/ngày đêm.

Quy trình: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại/ Bể tách dầu mỡ → Bể gom → Bể điều hòa → Bể anoxic → Bể MBBR 1, 2 → Bể lắng → Ngăn trung gian → Thiết bị lọc áp lực → Khử trùng → Kênh Tà Sa.

+ Nước thải từ hoạt động ngâm tắm nước khoáng và từ khu vực sản xuất nước khoáng đóng chai được thu gom về trạm xử lý nước thải khoáng công suất 175 m³/ngày đêm.

Quy trình: Nước khoáng thải → Bể gom → Bể điều hòa → Bể keo tụ, tạo bông → Bể lắng → Ngăn trung gian → Thiết bị lọc áp lực → Khử trùng → Kênh Tà Sa.

+ Vị trí xả nước thải của Dự án tại kênh Tà Sa có tọa độ theo hệ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°: X(m) = 2282709,523; Y(m) = 580753,318 thuộc xã Diên Hà, tỉnh Hưng Yên.

+ Nước thải từ quá trình thau rửa giếng được thu gom về các bồn chứa tạm để lắng trong khoảng thời gian 4-6 giờ để đảm bảo nước có nhiệt độ bình thường → đầu nối về hệ thống thoát nước thải để xả ra ngoài môi trường.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải của Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành, không thải nước thải chưa qua xử lý đạt yêu cầu ra môi trường; bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

+ Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đạt QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường, cột A, Bảng 2.

+ Tách riêng hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải, không để nước mưa chảy vào hệ thống thoát nước thải; không làm thất thoát nước thải ra môi trường đất, nước mặt và vào hệ thống thoát nước mưa.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Lắp đặt hàng rào bằng tôn cao 02 m xung quanh khu vực Dự án.

+ Các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật hiện hành; che phủ bạt kín khi vận chuyển; tránh vận chuyển vào các giờ cao điểm.

+ Che phủ bãi tập kết nguyên vật liệu.

+ Phun nước làm ẩm; vệ sinh thường xuyên khu vực Dự án.

- Giai đoạn vận hành:

+ Trồng cây xanh, thảm cỏ trong khuôn viên Dự án đảm bảo diện tích theo đúng quy định và phù hợp với cảnh quan khu vực.

+ Lắp đặt 01 hệ thống xử lý mùi tại trạm xử lý nước thải sinh hoạt có quy trình xử lý: Khí thải gây mùi khó chịu → Quạt hút (công suất 1.250 m³/h) → Tháp hấp phụ (than hoạt tính) → Tháp hấp thụ (dung dịch NaOH) → Ống phóng không → Môi trường.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Giám sát việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành của Dự án.

+ Thu gom, xử lý mùi từ trạm xử lý nước thải sinh hoạt đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Chất thải xây dựng được tiến hành thu gom, phân loại và tập kết về khu vực lưu chứa tạm có mái che. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Chất thải sinh hoạt phát sinh được thu gom và lưu chứa tại 12 thùng 3 ngăn dung tích mỗi thùng 120 lít, có nắp đậy. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải sinh hoạt được thu gom, phân loại và lưu chứa tại các thùng được bố trí tại nơi phát sinh chất thải sinh hoạt trong khu vực kinh doanh dịch vụ nghỉ dưỡng và khu vực sản xuất nước khoáng đóng chai. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải sinh hoạt và trạm xử lý nước khoáng thải được Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn phát sinh từ quá trình đóng chai: Bố trí các thiết bị lưu chứa như bao bì, thùng nhựa, thùng kim loại để lưu chứa; lập tổ thu gom hàng ngày về kho lưu trữ; ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Bảo đảm toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, phân loại tại nguồn, lưu giữ, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

+ Tổ chức thu gom, vận chuyển, đổ thải phế thải, chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động của Dự án vào đúng các vị trí được cơ quan thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường.

4.4. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu chứa tại 05 thùng có nắp đậy (dung tích mỗi thùng 60 lít), gắn mã chất thải nguy hại theo quy định và được tập kết về khu chứa chất thải nguy hại tạm thời 15 m² (được thiết kế theo quy định hiện hành và sẽ được tháo dỡ sau khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng). Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng phù hợp thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu chứa tại 06 thùng có nắp đậy (dung tích mỗi thùng 60 lít), gắn mã chất thải nguy hại theo quy định và được tập kết về khu lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 15 m² (được thiết kế theo quy định hiện hành). Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và bảo đảm toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án luôn được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công xây dựng: Các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu đảm bảo đạt các quy chuẩn kỹ thuật hiện hành; thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị thi công.

- Giai đoạn vận hành: Dự án không phát sinh tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn vận hành.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án.

4.6. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Các thiết bị chính của trạm xử lý nước thải tập trung như: Bơm nước thải, bơm bùn, máy thổi khí ... đều phải có thiết bị dự phòng tại dự án.

+ Với các thiết bị đặt chìm (dưới đáy bể) như bơm chìm, chủ dự án sẽ đầu tư hệ thống ròng rọc để có thể dễ dàng nâng bơm lên trong quá trình sửa chữa.

+ Các thiết bị trong trạm xử lý nước thải tập trung đều được kết nối với Aptomat để tránh hiện tượng chập điện, cháy nổ.

+ Thiết kế hệ thống van chặn tại các bể chứa thành phần để tăng thể tích lưu chứa, đảm bảo thời gian lưu chứa tối đa trong trường hợp xảy ra sự cố. Trạm xử lý nước thải sinh hoạt đã thiết kế bể điều hòa dung tích 142,6 m³ với thời gian lưu là 10 giờ và trạm xử lý nước thải khoáng có bể điều hoà dung tích 102,3 m³ với thời gian lưu là 10 giờ.

+ Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

- Biện pháp giảm thiểu sự cố nhiễm bẩn và thay đổi chất lượng nước:

+ Thực hiện thau rửa định kỳ lỗ khoan khai thác để tránh nhiễm bẩn giếng và đảm bảo hoạt động hệ thống khai thác.

+ Định kỳ lấy mẫu nước phân tích và lập biểu đồ so sánh để theo dõi những biến đổi về chất lượng của nguồn nước.

+ Không xây dựng các công trình trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt

- Biện pháp giảm thiểu sự cố sụt lún và hạ thấp mực nước:

+ Không khai thác nước khoáng vượt quá công suất được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

+ Thực hiện quan trắc động thái nước dưới đất; hàng ngày đo mực nước động và tổng hợp số liệu đo lập biểu đồ để đánh giá mức độ ổn định của mực nước tại giếng khoan LKDH.

+ Dừng hoạt động khai thác và thông báo cho các cơ quan có chức năng phù hợp để đưa ra các giải pháp khắc phục khi phát hiện sự cố bất thường trong quá trình khai thác.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Chủ dự án phải có công trình, trang thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; xây dựng, huấn luyện lực lượng tại chỗ cho ứng phó sự cố môi trường; xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ dự án theo quy định của pháp luật.

+ Chủ dự án chịu trách nhiệm phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

4.7. Phương án cải tạo phục hồi môi trường

4.7.1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường

- Khu vực giếng khoan: tháo dỡ máy bơm, hệ thống ống chống, ống lọc, ống lắng; trám lấp giếng khoan bằng sét bentonite, san gạt và trồng cây.

- Khu phụ trợ: tháo dỡ nhà bảo vệ bơm; tháo dỡ hệ thống đường ống cấp nước khoáng nóng, hệ thống cấp điện; tháo dỡ tường bao xung quanh vùng bảo hộ khu vực lấy nước; phủ đất màu và trồng cây.

- Trồng cây xoài trên khu vực giếng khoan sau san lấp, khu phụ trợ và trồng bổ sung cây xoài trên vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước.

Tổng hợp khối lượng công tác cải tạo, phục hồi môi trường

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Khối lượng
I	Khu vực giếng khoan		
-	Nhỏ cột ống giếng LKDH	Tấn	2,936
-	Lắp giếng khoan		
+	Trám lấp bằng sét Bentonite (từ -150 đến -10m)	m ³	3,404
+	Trám lấp bằng vữa xi măng (từ -10 m đến +0,3 m)	m ³	0,45
-	Bịt miệng giếng	m ³	0,19
-	Tháo dỡ máy bơm	Chiếc	01
II	Khu phụ trợ		
2.1	Phá dỡ nhà bơm		
-	Phá dỡ tường xây gạch đặc và tường hoa gió	m ³	12,752
-	Phá dỡ nền bê tông dày 150 mm, phá dỡ dầm móng	m ³	8,69
-	Phá dỡ mái bê tông có cốt thép	m ³	8,526
-	Phá dỡ đường bê tông bao xung quanh nhà bơm	m ³	8,25

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Khối lượng
-	Tháo dỡ cửa	m ²	3,2
-	Tháo dỡ đường ống nhựa thoát nước mưa	m	6
2.2	Phá dỡ hàng rào thép bao xung quanh đới phòng hộ		
-	Phá dỡ các trụ rào	m ³	78,5
-	Tháo dỡ hàng rào thép gai	m ²	5,87
2.3	Bóc xếp, vận chuyển phế thải các loại	m ³	23,268
2.4	Tháo dây điện	m	500
2.5	Tháo dỡ đường ống dẫn nước khoáng	m	500
2.6	San gạt mặt bằng	m ³	75
III	Trồng cây		
-	Mua đất trồng cây	m ³	2
-	Trồng cây xoài	m ²	78,54

4.7.2. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là 171.228.701 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi một triệu hai trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm linh một đồng*).

Tính đến ngày 21/02/2025, Chủ dự án đã nộp tiền ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam là 25.890.526 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu tám trăm chín mươi nghìn năm trăm hai mươi sáu đồng*). Số tiền còn lại phải nộp là 145.338.445 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm bốn mươi lăm đồng*).

- Chủ dự án thực hiện ký quỹ như sau:

+ Số lần ký quỹ: 25 lần.

+ Ký quỹ lần đầu số tiền là 21.800.767 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi một triệu tám trăm nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng*).

Thời điểm ký quỹ: trong thời hạn không quá 30 (*ba mươi*) ngày làm việc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

+ Ký quỹ từ lần thứ hai tới lần thứ 25, mỗi lần số tiền là 5.147.403 đồng (*Bằng chữ: Năm triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm linh ba đồng*).

Thời điểm ký quỹ: trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

(Số tiền nêu trên chưa tính đến yếu tố trượt giá về số tiền ký quỹ trong các năm tiếp theo sau năm 2026).

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Hưng Yên.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Giám sát môi trường không khí:
- + Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, áp suất, TSS, CO, NO₂, SO₂
- + Vị trí giám sát: 02 vị trí (trong đó 01 vị trí giám sát tại tuyến đường nối từ DH60 vào dự án và 01 vị trí tại dự án)
- + Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

- Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý; định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có đủ năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định tại các Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ, các Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

5.2. Giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát nước thải sinh hoạt:

- Vị trí giám sát: 05 vị trí (01 vị trí tại bể thu gom của trạm xử lý nước thải sinh hoạt; 01 điểm tại bể khử trùng trạm xử lý nước thải sinh hoạt; 01 điểm tại bể thu gom của trạm xử lý nước thải khoáng; 01 điểm tại bể khử trùng của trạm xử lý nước thải khoáng và 01 điểm tại điểm xả nước thải ra kênh Tà Sa).

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, TSS, tổng chất rắn hòa tan, Sulphua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻ tính theo N), Phosphat (PO₄³⁻ tính theo P), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliforms.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A, Bảng 2.

5.2.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý; định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có đủ năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định tại các Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ, các Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường sau:

- Bảo đảm sự phù hợp của Dự án với các quy hoạch, kế hoạch có liên quan đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.

- Bảo đảm quy mô, diện tích bố trí các hạng mục công trình phù hợp, đáp ứng các điều kiện an toàn, môi trường theo quy định hiện hành; trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án đảm bảo tỷ lệ cây xanh tối thiểu đạt quy định của quy chuẩn xây dựng Việt Nam; chỉ được sử dụng những giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật, các loại hóa chất được phép sử dụng và lưu hành tại Việt Nam trong quá trình thực hiện Dự án.

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

- Thực hiện các quy định về bảo vệ nguồn nước, xả nước thải vào nguồn nước, phòng chống cháy nổ và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tổ chức khai thác nước khoáng tại lỗ khoan LKDH theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

- Theo dõi, giám sát sụt lún, giám sát an toàn công trình để có giải pháp xử lý kịp thời nhằm ngăn ngừa hiện tượng sụt lún, hạ thấp mực nước trong quá trình khai thác nước khoáng; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

- Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành; nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc về môi trường nêu trong Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Bảo đảm tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư xây dựng./. 